

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:****1. Kiến thức:**

- Giới thiệu về khoa học tự nhiên, các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên.
- Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành.
- Sự đa dạng của chất, ba thể (trạng thái) cơ bản của chất, sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất.
- Oxygen (oxi) và không khí.
- Trình bày được một số tính chất và ứng dụng của vật liệu.

**2. Kỹ năng:**

- Phân biệt được các lĩnh vực của khoa học tự nhiên và đối tượng nghiên cứu, các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.
- Sử dụng các dụng cụ đo trong đời sống và phòng thực hành.
- Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.
- Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.
- Nêu được tính chất, tầm quan trọng của oxygen với sự sống và sự cháy, thành phần của không khí.
- Phân biệt được các loại vật liệu.

**3. Thái độ:**

- Bảo vệ môi trường.
- Sử dụng hợp lý và an toàn trong phòng thực hành.
- Yêu thích môn học.

**II. PHẠM VI ÔN TẬP:**

1. Chương 1. Mở đầu về khoa học tự nhiên
2. Chương 2. Chất quanh ta

**III. NỘI DUNG ÔN TẬP:**

\* **Dạng bài: 100% trắc nghiệm**

\* **Một số câu trắc nghiệm minh họa**

**Câu 1:** Chọn phát biểu **sai**.

- A.** Các hiện tượng tự nhiên đều xảy ra theo một quy luật giống nhau.
- B.** Các chuyển động và biến đổi trong tự nhiên gọi là hiện tượng tự nhiên.
- C.** Hiện tượng tự nhiên rất phong phú và đa dạng.
- D.** Khoa học tự nhiên là một nhánh của khoa học, nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên, tìm ra các tính chất, quy luật của chúng.

**Câu 2:** Biển cảnh báo dưới đây cho biết điều gì?



- A.** Cấm sử dụng chất độc.
- B.** Cảnh báo về chất độc.
- C.** Cảnh báo về điện cao thế.
- D.** Cấm sử dụng điện cao thế.

**Câu 3:** Biển cảnh báo an toàn thể hiện quy định “cấm thực hiện” có màu gì?

- A. Màu xanh.                      B. Màu đỏ.                      C. Màu vàng.                      D. Màu tím.

**Câu 4:** Biển cảnh báo nào dưới đây cảnh báo về chất độc sinh học?

A.



B.



C.



D.



**Câu 5:** Chọn hành động *không phù hợp* với các quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

A. Thu dọn phòng thực hành, rửa sạch tay sau khi thực hành xong.

B. Nếm thử để phân biệt các loại hóa chất.

C. Chỉ tiến hành thí nghiệm khi có người hướng dẫn.

D. Mặc đồ bảo hộ, đeo kính, khẩu trang.

**Câu 6:** Kính lúp dùng để quan sát

A. những vật có kích thước nhỏ như chữ nhỏ, chi tiết nhỏ của đồng hồ,...

B. những vật có kích thước lớn.

C. những vật ở xa.

D. những vật có kích thước rất nhỏ như vi khuẩn, tế bào,...

**Câu 7:** Kính lúp có thể dùng để quan sát

A. một con bọ nhỏ.

B. ngôi sao trên trời.

C. một con chim đang bay.

D. vi khuẩn trong đồ ăn.

**Câu 8:** Các bác sĩ khi thực hiện vi phẫu thuật sẽ đeo loại kính lúp nào dưới đây?

A. Kính lúp bỏ túi.

B. Kính lúp đeo mắt.

C. Kính lúp cầm tay.

D. Kính lúp để bàn có đèn.

**Câu 9:** Cách bảo quản kính lúp nào dưới đây sai?

A. Không để mặt kính tiếp xúc với vật nhám, bẩn.

B. Khi có vết bẩn trên mặt kính, dùng giấy nhám (giấy ráp) để cạo đi.

C. Sử dụng nước sạch hoặc nước rửa kính lúp chuyên dụng.

D. Lau chùi, vệ sinh kính thường xuyên bằng khăn mềm.

**Câu 10:** Những mẫu vật nào sau đây không thể quan sát bằng kính lúp mà phải dùng kính hiển vi quang học?

A. Côn trùng (như ruồi, kiến, ong).

B. Các tế bào thực vật, động vật.

C. Các tép cam, tép bưởi.

D. Giun, sán dây.

**Câu 11:** Hành động bảo quản và sử dụng kính hiển vi nào chưa đúng cách?

A. Sử dụng tủ chống ẩm để bảo quản kính.

B. Lau thị kính và vật kính bằng giấy lau chuyên dụng.

C. Điều chỉnh ánh sáng thích hợp với vật kính.

D. Khi di chuyển, chỉ cần cầm vào thân kính rồi đặt vào tủ kính.

**Câu 12:** Vật kính và thị kính thuộc hệ thống nào của kính hiển vi quang học?

A. Hệ thống giá đỡ.

B. Hệ thống phóng đại.

C. Hệ thống chiếu sáng.

D. Hệ thống điều chỉnh độ dịch chuyển của ống kính.

**Câu 13:** Hệ thống nào là quan trọng nhất đối với kính hiển vi quang học?

A. Hệ thống giá đỡ.

B. Hệ thống phóng đại.

C. Hệ thống chiếu sáng.

D. Hệ thống điều chỉnh độ dịch chuyển của ống kính.

- Câu 14:** Kính hiển vi quang học có thể phóng to ảnh của vật được quan sát
- A. từ 10 đến 100 lần.                              B. từ 40 đến 3000 lần.  
C. từ 3 đến 10 lần.                                      D. từ 4 đến 20 lần.
- Câu 15:** Vật nào dưới đây chỉ có thể quan sát bằng kính hiển vi quang học?
- A. Chi tiết của đồng hồ đeo tay.                              B. Tế bào da.  
C. Mặt trăng.    D. Con kiến.
- Câu 16:** Bước đầu tiên khi sử dụng kính hiển vi quang học là gì?
- A. Chọn vật kính thích hợp theo mục đích quan sát.  
B. Mắt nhìn vào thị kính, vặn ốc to theo chiều ngược lại để đưa vật kính lên từ từ.  
C. Đặt tiêu bản lên bàn kính, dùng kẹp để giữ tiêu bản. Vặn ốc to theo chiều kim đồng hồ để hạ vật kính gần sát vào tiêu bản.  
D. Điều chỉnh ánh sáng cho thích hợp với vật kính.
- Câu 17:** Chọn phương án sai về cách bảo quản kính hiển vi quang học.
- A. Để kính hiển vi ở những nơi ẩm ướt, không sạch sẽ.  
B. Khi di chuyển kính hiển vi, một tay cầm vào thân kính, tay kia đỡ đế chân kính.  
C. Để kính hiển vi trên bề mặt phẳng.  
D. Lau thị kính và vật kính bằng giấy chuyên dụng trước và sau khi sử dụng.
- Câu 18:** Đơn vị đo độ dài hợp pháp của nước ta là
- A. xentimet (cm).                      B. kilomet (km).                      C. mét (m).                      D. milimet (mm).
- Câu 19:** Bạn Nam muốn đo chiều dài và chiều rộng của lớp học. Theo em, bạn Nam sử dụng đơn vị đo độ dài nào là phù hợp nhất?
- A. m.                                      B. cm.                                      C. km.                                      D. mm.
- Câu 20:** Người thợ may cần lấy số đo của khách hàng để may một chiếc áo. Các số liệu cần đo là số đo dài tay, số đo vòng ngực, số đo vòng eo, số đo dài áo,... Theo em, người thợ may nên sử dụng loại thước nào để đo các số liệu đó?
- A. Thước dây.                      B. Thước cuộn.                      C. Thước kẹp.                      D. Thước thẳng.
- Câu 21:** Để đo chiều cao của một người thì đơn vị đo độ dài nào dưới đây không phù hợp?
- A. cm.                                      B. m.                                      C. km.                                      D. dm.
- Câu 22:** Một bình chia độ chứa 50 ml nước. Bạn Hoa thả một viên bi vào bình chia độ đó thì thấy mực nước dâng lên mức 60 ml. Hỏi thể tích của viên bi là bao nhiêu?
- A. 15 ml.                                      B. 5 ml.                                      C. 20 ml.                                      D. 10 ml.
- Câu 23:** Người ta đổ đầy nước vào một bình tràn thì thấy bình tràn có thể chứa được 150 ml nước. Thả một hòn sỏi vào bình thì thấy thể tích nước tràn ra khỏi bình là 35 ml. Thể tích vật rắn là
- A. 35 ml.                                      B. 20 ml.                                      C. 25 ml.                                      D. 30 ml.
- Câu 24:** Một bình tràn chỉ có thể chứa được nhiều nhất là 100 cm<sup>3</sup> nước, đang đựng 80 cm<sup>3</sup> nước. Thả một vật rắn không thấm nước vào bình thì thấy thể tích nước tràn ra khỏi bình là 30 cm<sup>3</sup>. Thể tích vật rắn là
- A. 60 cm<sup>3</sup>.                                      B. 30 cm<sup>3</sup>.                                      C. 50 cm<sup>3</sup>.                                      D. 40 cm<sup>3</sup>.
- Câu 25:** Trong hệ đơn vị đo lường hợp pháp của nước ta, đơn vị cơ bản đo khối lượng là
- A. gam.                                      B. lạng.                                      C. kilogam.                                      D. hectogam.
- Câu 26:** 1 kilogam bằng
- A. 100 gam.                                      B. 1000 gam.                                      C. 10000 gam.                                      D. 10 gam.
- Câu 27:** Để đo khối lượng của một học sinh lớp 6 thì loại cân nào dưới đây là phù hợp nhất?
- A. Cân đồng hồ có GHĐ là 20 kg và ĐCNN là 0,05 kg.

**B.** Cân đồng hồ có GHĐ là 15 kg và ĐCNN là 0,05 kg.

**C.** Cân điện tử có GHĐ là 10 kg.

**D.** Cân điện tử có GHĐ là 120 kg.

**Câu 28:** Mẹ của An muốn mua một chiếc cân để cân lượng thực phẩm sử dụng hàng ngày trong gia đình. Nếu là An, em sẽ tư vấn cho mẹ mua loại cân nào dưới đây để phù hợp nhất với mục đích sử dụng.

**A.** Cân điện tử có GHĐ là 10 kg.

**B.** Cân đồng hồ có GHĐ là 15 kg và ĐCNN là 0,05 kg.

**C.** Cân đồng hồ có GHĐ là 20 kg và ĐCNN là 0,05 kg.

**D.** Cân điện tử có GHĐ là 120 kg.

**Câu 29:** Trong hệ đo lường hợp pháp của nước ta, đơn vị cơ bản đo thời gian là

**A.** giây.

**B.** giờ.

**C.** phút.

**D.** ngày.

**Câu 30:** Trong giờ thể dục, để đo thời gian chạy của các học sinh thì thầy giáo phải sử dụng

**A.** đồng hồ đeo tay.

**B.** đồng hồ quả lắc.

**C.** đồng hồ bấm giây.

**D.** đồng hồ cát.

**Câu 31:** Minh và Nam thi chạy. Thời gian chạy của Minh là 2 phút 24 giây, còn thời gian chạy của Nam là 2,5 phút. Hỏi bạn nào chạy nhanh hơn.

**A.** Nam

**B.** Minh

**C.** Hai bạn chạy nhanh bằng nhau.

**D.** Không xác định được bạn nào chạy nhanh hơn vì hai đơn vị đo thời gian khác nhau.

**Câu 32:** Bước đầu tiên khi sử dụng đồng hồ bấm giây là

**A.** Chọn chức năng đo phù hợp bằng nút bấm MODE.

**B.** Nhấn nút SPLIT/RESET để điều chỉnh về số 0.

**C.** Kết thúc đo bằng cách nhấn START/STOP.

**D.** Sử dụng nút START/STOP để bắt đầu đo.

**Câu 33:** Nhấn nút nào để điều chỉnh đồng hồ bấm giây về số 0?

**A.** RESET.

**B.** MODE.

**C.** STOP.

**D.** START.

**Câu 34:** Nhiệt độ là khái niệm dùng để

**A.** xác định mức độ nhanh, chậm của một vật.

**B.** xác định mức độ nặng, nhẹ của một vật.

**C.** xác định mức độ nóng, lạnh của một vật.

**D.** xác định mức độ cứng, dẻo của một vật.

**Câu 35:** Sắp xếp nhiệt độ của nước nóng, nước nguội, nước lạnh theo thứ tự tăng dần.

**A.** Nhiệt độ nước lạnh < nhiệt độ nước nóng < nhiệt độ nước nguội.

**B.** Nhiệt độ nước lạnh < nhiệt độ nước nguội < nhiệt độ nước nóng.

**C.** Nhiệt độ nước nguội < nhiệt độ nước lạnh < nhiệt độ nước nóng.

**D.** Nhiệt độ nước nóng < nhiệt độ nước nguội < nhiệt độ nước lạnh.

**Câu 36:** Nhiệt độ của nước đá đang tan là

**A.** 0°C.

**B.** 5°C.

**C.** - 5°C.

**D.** 10°C.

**Câu 37:** Nhiệt độ của nước đang sôi là

**A.** 100°C.

**B.** 37°C.

**C.** 150°C.

**D.** 0°C.

**Câu 38:** Thân nhiệt bình thường của người là

**A.** 35°C.

**B.** 30°C.

**C.** 37°C.

**D.** 38°C.

**Câu 39:** Chọn phát biểu sai khi nói về chất

**A.** Ở đâu có vật thể, ở đó có chất.

**B.** Mọi vật thể đều tạo thành từ chất.

C. Một chất có thể có trong nhiều vật thể.

D. Mỗi vật thể chỉ có chứa một chất duy nhất.

**Câu 40:** Tính chất nào dưới đây là tính chất hóa học?

A. Màu sắc.

B. Tính tan.

C. Khối lượng.

D. Khả năng biến đổi tạo ra chất mới.

**Câu 41:** “Than có màu đen, ở thể rắn, không có vị và không tan trong nước”. Nhận xét trên không cho biết tính chất vật lý nào của than?

A. Khối lượng.

B. Thể (rắn, lỏng, khí).

C. Tính tan.

D. Màu sắc.

**Câu 42:** Quá trình nào sau đây không có sự biến đổi chất?

A. Làm nước đá.

B. Đốt que diêm.

C. Rán trứng.

D. Nướng bột làm bánh mì.

**Câu 43:** Thể nào dưới đây không thuộc ba thể của chất?

A. Thể khí.

B. Thể dẻo.

C. Thể rắn.

D. Thể lỏng.

**Câu 44:** Chất ở thể nào thì có hình dạng cố định?

A. Thể khí.

B. Thể dẻo.

C. Thể rắn.

D. Thể lỏng.

**Câu 45:** Chất ở thể nào thì dễ dàng lan truyền trong không gian theo mọi hướng.

A. Thể khí.

B. Thể dẻo.

C. Thể rắn.

D. Thể lỏng.

**Câu 46:** Chất ở thể nào thì dễ bị nén

A. Thể khí.

B. Thể dẻo.

C. Thể rắn.

D. Thể lỏng.

**Câu 47:** Chất ở thể nào thì có thể rót được và chảy tràn trên bề mặt.

A. Thể khí.

B. Thể dẻo.

C. Thể rắn.

D. Thể lỏng.

**Câu 48:** Sự chuyển thể nào sau đây xảy ra tại nhiệt độ xác định?

A. Ngưng tụ.

B. Sôi.

C. Hóa hơi.

D. Bay hơi.

**Câu 49:** Một chất khí có mùi thơm tỏa ra từ bông hoa hồng làm ta có thể ngửi thấy mùi hoa thơm. Điều này thể hiện tính chất nào của thể khí?

A. Không có hình dạng xác định.

B. Có thể lan tỏa trong không gian theo mọi hướng.

C. Dễ dàng nén được.

D. Không chảy được.

**Câu 50:** Hiện tượng tự nhiên nào sau đây là do hơi nước ngưng tụ?

A. Lốc xoáy.

B. Tạo thành mây.

C. Gió thổi.

D. Mưa rơi.

**Câu 51:** Oxygen ở điều kiện thường không có tính chất nào dưới đây?

A. Màu trắng.

B. Tan trong nước.

C. Thể khí.

D. Không mùi, không vị.

**Câu 52:** Oxygen hóa lỏng ở  $-183^{\circ}\text{C}$ , hóa rắn ở  $-218^{\circ}\text{C}$ . Vậy ở nhiệt độ  $-200^{\circ}\text{C}$ , oxygen ở thể nào?

A. Khí.

B. Rắn.

C. Lỏng.

D. Không xác định.

**Câu 53:** Cá sống được dưới nước vì trong nước có

A. nitrogen.

B. hơi nước.

C. carbon dioxide.

D. oxygen.

**Câu 54:** Quá trình nào sau đây cần oxygen

A. hòa tan.

B. hô hấp.

C. quang hợp.

D. nóng chảy.

**Câu 55:** Quá trình nào sau đây cần carbon dioxide

A. hòa tan.

B. hô hấp.

C. quang hợp.

D. nóng chảy.

**Câu 56:** Nitrogen trong không khí có vai trò nào sau đây?

- A. Hình thành sấm sét.
- B. Cung cấp đạm tự nhiên cho cây trồng.
- C. Tham gia quá trình tạo mây.
- D. Tham gia quá trình quang hợp của cây.

**Câu 57:** Khí có thành phần phần trăm lớn nhất trong không khí là

- A. carbon dioxide.
- B. nitrogen.
- C. oxygen.
- D. hơi nước.

**Câu 58:** Cho một que đóm còn tàn đỏ vào một lọ thủy tinh chứa khí oxygen thì thấy que đóm bùng cháy. Thí nghiệm này chứng tỏ điều gì?

- A. Khí oxygen dùng để dập tắt đám cháy.
- B. Khí oxygen cần cho sự cháy.
- C. Khí oxygen tạo ra lửa.
- D. Khí oxygen là không khí.

**Câu 59:** Việc làm nào giúp bảo vệ môi trường không khí?

- A. Xả rác bừa bãi.
- B. Sử dụng nhiều phương tiện cá nhân.
- C. Chặt cây xanh xây dựng nhà máy.
- D. Tận dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió.

**Câu 60:** Phát biểu nào sau đây là sai về vai trò của không khí?

- A. Sự luân chuyển không khí giúp điều hòa khí hậu, khiến bề mặt Trái Đất không quá lạnh hoặc không quá nóng.
- B. Khi mưa dông có sấm sét, nitrogen trong không khí được chuyển hóa thành chất có chứa nitrogen có lợi cho cây trồng (dạng phân bón tự nhiên).
- C. Carbon dioxide trong không khí cần cho sự hô hấp của động vật, thực vật.
- D. Không khí có tác dụng bảo vệ Trái Đất khỏi các thiên thạch rơi từ vũ trụ.

**Câu 61:** Trường hợp nào sau đây không xảy ra sự nóng chảy

- A. thả viên đá vào ly nước.
- B. thả nến.
- C. đúc trống đồng.
- D. đổ một thìa muối vào ly nước.

*Long Biên, ngày 16 tháng 10 năm 2021*

**Người lập đề cương**

**NHÓM TRƯỞNG**

**KT HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
(đã ký)**

**Nguyễn Thị Thanh Mai**

**Đào Thị Thanh Mai**

**Cao Thị Phương Anh**